

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HS-ST  
Ngày 10-8-2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trường Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Hùng - Giáo viên nghỉ hưu.

Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Phó chủ tịch Mặt trận tổ quốc huyện V.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1) Trần Văn D**, sinh ngày 24-9-2002 (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 03 tháng 8 ngày); tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Xóm X, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và con bà Bùi Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 30-12-2019 có hành vi xâm hại sức khỏe người khác bị Công an huyện V, tỉnh Nam Định ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21 tháng 01 năm 2020 cho đến nay (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo D: Ông Trần Văn T, sinh năm 1975; cư trú tại: Xóm X, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Là bố đẻ của bị cáo D có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn D là: Bà Nguyễn Thị M - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định. (Có mặt).

**2) Vũ Q T**, sinh ngày 29-4-2005 (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 14 tuổi 08 tháng 3 ngày); tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Xóm X, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và con bà Trần Thị T; chưa có vợ, con; tiền án,

tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 30 ngày 23-4-2020 của Cơ quan CSĐT Công an huyện V. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Bà Trần Thị T, sinh năm 1965; cư trú tại: Xóm X, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. (Là mẹ đẻ của bị cáo T có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Q T: Bà Trần Thị H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định. (Có mặt).

\* Bị hại: Anh Trần Tiến Q, sinh ngày 24-6-2003. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Trần Văn D, sinh năm 1981; trú tại: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định (Là bố đẻ của anh Q, vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Đinh Thị Thanh T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định. (Có mặt).

\* Người làm chứng:

1- Anh Phạm Văn T, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh T là: Ông Trần Văn B, sinh năm 1977; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

2- Anh Phạm Trọng H, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh H là: Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1976; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm Q, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

3- Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2006; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị D là: Ông Trần Văn D, sinh năm 1981; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

4- Anh Phạm Thành T, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh T là: Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1977; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

5- Anh Trần Đức M, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh M là: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1979; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

6- Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh S là: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1975; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

7- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh A là: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1975; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định.

8- Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh V là: Bà Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1984; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm Q, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

9- Anh Vũ Thế T, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh T là: Ông Vũ Thế P, sinh năm 1974; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm B, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

10- Anh Ngô Đình Q, sinh năm 2006; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Q là: Ông Ngô Đình T, sinh năm 1977; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm N, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

11- Anh Lê Quốc K, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh K là: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1973; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

12- Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh H là: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1975; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

13- Anh Trần Đức T, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh T là: Ông Trần Đức T, sinh năm 1970; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm N, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

14- Anh Nguyễn Tất P, sinh năm 2006; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh P là: Bà Trần Thị H, sinh năm 1978; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm N, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

15- Anh Nguyễn Duy V, sinh năm 2005; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh V là: Bà Bùi Thị T; (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn về yêu đương, tranh giành bạn gái giữa Phạm Thành T, trú tại xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định với Phạm Văn T, trú tại thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nên T có hẹn với T sáng ngày 01-01-2020 đến khu vực trường

cấp 2 xã H để giải quyết mâu thuẫn. Sáng ngày 01-01-20120 T có rủ Vũ Quang T ở cùng xóm và Lê Anh V, trú tại xóm N, xã T đi cùng để giúp sức nếu xảy ra đánh nhau. Khi lên đến H nhóm của T đã gặp T và Phạm Trung Đ trú tại L, H, V, Nam Định; khi T và T đang nói chuyện với nhau thì Lê Anh V có lao tới đâm Đ một nhát. Do bị đánh T và Đ liền đi về gọi Trần Tiến Q, trú tại L, H, V, Nam Định ra trợ giúp, thấy vậy T đã gọi điện thoại cho Trần Văn D, trú tại xóm X, T, V, Nam Định đến. Khi D lên đến nơi thì sự việc đã kết thúc, nhóm của T đã ra về nên D có đưa cho T một con dao gấp bằng kim loại sáng màu, dài 19,5cm, lưỡi dao hình bầu dục nhọn dài 08cm, chuôi dao dài 11,5cm và nói “Cầm lấy”, rồi D đi về trước. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày nhóm của T lại tụ họp, trong đó Trần Đức M, trú tại xóm P, T, V, Nam Định có chuẩn bị 02 tuýp bằng kim loại để mang theo, khi lên đến H nhóm của T đi một vòng quanh xã nhưng không gặp nhóm của T, lúc này T có nói với cả nhóm rằng T đã nhắn tin báo đợi nhóm của T đang từ trong làng đi ra. Nghĩ rằng nhóm của T đông nên T tự ý báo Nguyễn Đình S, trú tại xóm T, T, V, Nam Định quay về để đón D lên. Khi về đến đầu ngõ nhà D, S đứng ở ngoài còn T vào trong nhà gọi D, gặp T thì D có hỏi về con dao lúc sáng mà D đưa cho T đầu thì T bảo em đang cầm đây, rồi cả 2 cùng lên xe để S chở lên xã H. Khi đi đến cầu D thuộc Xóm X, xã T thì T có lấy con dao từ túi áo ra đưa cho D, D bỏ con dao vào túi quần bò bên phải phía trước của mình. Khi lên đến khu vực nghĩa trang xã H gặp nhóm của T, D đi đến chỗ Q và hỏi “Thằng nào đánh em tao” thì có người trong nhóm của T bảo “Nó đây này, D tiến gần đến chỗ Q hỏi: “ĐM! Sao mày đánh em tao” và quay người lại gọi T tới để xem chuyện thế nào nhưng T không tiến tới, khi quay người lại D nhìn thấy Q vênh mặt lên thách thức, D liền lao tới, dùng tay phải đâm vào mặt Q nhưng Q tránh được và chửi: “ĐM! Chúng mày thích làm sao”, D chửi lại: “Ồ! Con lợn này mày nói cái gì đấy”. Q lùi lại và thách thức: “ĐM! Chúng mày thích làm sao”. Lúc này, D liền lấy con dao gấp ở túi quần bò bên phải, tay trái kéo lưỡi ra lao tới để đâm Q, nhưng Q bỏ chạy được khoảng 3-4m thì bị D áp sát và dùng tay phải cầm dao đâm một nhát từ phải qua trái trúng vào vùng ngực phải của Q, Q ôm ngực chạy xuống ruộng thì nhóm của T gồm: D, T, Nguyễn Tất P, Vũ Thế T đều trú tại xã T, V, Nam Định đuổi theo nhưng không được; D đứng cầm dao chỉ về phía Q và nói “Nay tao đâm mày một phát, mày không xin lỗi anh em tao thì đừng có trách”. Nói xong, D gấp dao lại, bỏ vào túi quần. Khi lên trên đường T thấy chiếc xe máy điện BKS MĐ-045.97, nghĩ chiếc xe là của nhóm T nên T liền đạp đổ xe; P và Nguyễn Quang V mỗi người cầm 01 tuýp bằng kim loại vút vào chiếc xe máy điện này.

Hậu quả Q bị thương nặng phải đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định, chiếc xe máy điện bị hư hỏng phần vỏ bên ngoài.

Ngày 17-02-2020 Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Nam Định có bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 23/20/TgT kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do

thương tích gây nên cho anh Trần Tiến Q là 52%. Cơ chế hình thành vết thương: Vật cứng, nhọn có cạnh sắc tác động gây thương tích.

Ngày 11-3-2020 Hội đồng định giá tài sản huyện V có kết luận số 23/KL-HĐ xác định thiệt hại của chiếc xe máy điện BKS MĐ-045.97 là 960.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKSVB ngày 04-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Trần Văn D và Vũ Quang T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 điều 134 của Bộ luật Hình sự.

***Tại phiên tòa:***

\* Bị cáo Trần Văn D và Vũ Quang T đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên và xin được giảm nhẹ hình phạt.

\* Người bào chữa; người đại diện hợp pháp của bị cáo D và bị cáo T có quan điểm: Các bị cáo phạm tội khi tuổi đời còn quá trẻ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường một phần trách nhiệm dân sự; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn và có người thân là người có công với cách mạng. Vì vậy xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề.

\* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận bồi thường và không có yêu cầu bổ sung gì.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn D và Vũ Quang T về tội “Cố ý gây thương tích”.

**Về hình phạt:**

+) Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 27 tháng đến 30 tháng tù.

+) Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Quang T từ 24 tháng đến 27 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã thỏa thuận bồi thường. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị thương tích cũng như bất kỳ khoản tiền nào khác. Nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 con dao gấp bằng kim loại sáng màu dài 19,5cm, lưỡi dao hình bầu dục nhọn dài 08cm, chuôi dao dài 11,5cm.

Về án phí hình sự sơ thẩm buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của các bên không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra. Nên có đủ căn cứ để kết luận:

Do mâu thuẫn yêu đương cá nhân, nên sáng ngày 01-01-2020 nhóm thanh niên xã T đã hẹn gặp nhóm thanh niên xã H để giải quyết, nhưng không thành. Chiều ngày 01-01-2020 tại khu vực nghĩa trang cạnh UBND xã H, hai nhóm thanh niên gặp nhau. Khi gặp nhóm thanh niên xã H, Vũ Quang T đã gọi điện thoại, đón và đưa dao cho Trần Văn D để D đến giúp cho nhóm của T. Khi đến nơi, D gặp Q hai bên lời qua tiếng lại, D đã dùng dao gấp bằng kim loại đâm một nhát trúng vào vùng ngực phải gây thương tích cho Trần Tiến Q với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 52%.

Như vậy, với hành vi dùng hung khí nguy hiểm và gây thương tích cho anh Q như đã nêu trên; các bị cáo Vũ Quang T và Trần Văn D đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần phải xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo D phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn chưa hoàn thiện, hành vi phạm tội là bột phát do phía bị hại có sự thách thức; nên không áp dụng tình tiết phạm tội có

tính chất côn đồ để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo cùng đại diện hợp pháp đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là: Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo D có ông nội là liệt sỹ; bị cáo T hộ cận nghèo, có xác nhận của chính quyền địa phương.

Về nhân thân:

+) Đối với bị cáo D tuổi đời còn trẻ, không có tiền án, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 03 tháng 8 ngày; tiền sự ngày 30-12-2019 D đã có hành vi xâm hại sức khỏe người khác bị Công an huyện V, tỉnh Nam Định ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+) Đối với bị cáo T là học sinh, tuổi đời còn trẻ; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới 14 tuổi 08 tháng 3 ngày, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4] Xét về đồng phạm: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc. D với vai trò là người thực hành, trực tiếp dùng dao đâm gây thương tích cho Q; còn T với vai trò là người giúp sức như: gọi điện, về đón, đưa dao cho D.

[5] Quyết định hình phạt: Căn cứ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều phạm tội dưới 18 tuổi và các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nên Hội đồng áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đối với bị cáo D: căn cứ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân có một tiền sự, vị trí vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi môi trường xã hội một thời gian nhất định thì mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội được, đồng thời cũng là để răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với bị cáo T: căn cứ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, vị trí vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian; vì vậy Hội đồng áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo có sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã thỏa thuận bồi thường và nhận bồi thường. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị thương tích cũng như bất kỳ khoản tiền nào khác. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 con dao gấp bằng kim loại sáng màu dài 19,5cm, lưỡi dao hình bầu đầu nhọn dài 08cm, chuôi dao dài 11,5cm là hung khí dùng để gây thương tích cho Q; nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Trong vụ án này còn một số đối tượng có liên quan; nhưng Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Thành T, Vũ Thế T, Nguyễn Quang V về hành vi đánh nhau và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác; Trần Đức M về hành vi “Tàng trữ công cụ thường dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác”. Còn đối với Nguyễn Tất P đã có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác và đuổi đánh Trần Tiến Q, tuy nhiên P chưa đủ 14 tuổi nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với P là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Quang T và Trần Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn D 27 (Hai bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21-01-2020.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Quang T 24 (Hai bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Quang T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 con dao gấp bằng kim loại sáng màu, dài 19,5cm, lưỡi dao hình bầu đầu nhọn dài 08cm, chuôi dao dài 11,5cm.

(Vật chứng có đặc điểm, chủng loại như trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định).



5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Vũ Quang T và Trần Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bào chữa; người đại diện hợp pháp của các bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Nam Định;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trường Nam**